TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BẮC GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 134/2021/DS-PT
Ngày: 21/12/2021
V/v: "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

Thành phần hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:
Thẩm phán- Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Hải Vinh
Các thẩm phán: Ông Đặng Văn Quyết
Bà Nguyễn Thị Hương Giang

Thư ký phiên toà: Bà Giáp Thị Loan - Cán bộ Toà án nhân dân tỉnh Bắc Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang: Ông Đặng Văn Thìn - Kiểm sát viên.

Ngày 21/12/2021, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Bắc Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 130/2021/TLPT-DS ngày 28/10/201 về việc: "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

Do bản án dân sự sơ thẩm số 71/2021/DS-ST ngày 11/8/2021 của Toà án nhân dân thành phố B bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 136/2021/QĐ-PT ngày 16/11/2021 giữa:

Nguyên đơn: Bà Trần Thị Đ, sinh năm 1957;
Địa chỉ: Thôn C, xã H, huyện Y, tỉnh Bắc Giang
(vắng mặt)
Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1991;
Địa chỉ: Thôn V, xã S, thành phố B, tỉnh Bắc Giang (có mặt)
Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Luật sư Giáp Thị Vân - Văn phòng luật sư K - Đoàn luật sư tỉnh Bắc Giang; Địa chỉ: Số 99, đường Hùng Vương, phường Ngô Quyền, thành phố B, tỉnh Bắc Giang (vắng mặt)
Bị đơn: Anh Mai Văn M, sinh năm 1980 (có mặt)
Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Chị Hà Tú O, sinh năm 1980 (vắng mặt)
Anh M và chị O cùng địa chỉ: Thôn T, xã M, thành phố B, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn là bà Trần Thị Đ, do chị Nguyễn Thị L đại diện theo ủy quyền trình bày:

Do có mối quan hệ quen biết nên trong khoảng từ năm 2015-2017, bà Đ đã cho anh M vay tiền nhiều lần, tổng số là 700.000.000 đồng tiền gốc. Mỗi lần vay tiền anh M đều tự viết và ký vào giấy biên nhận, cụ thể:

+Lần 1: Ngày 23/11/2015, vay 200.000.000 đồng;

+Lần 2: Ngày 13/12/2015, vay 130.000.000 đồng;

+Lần 3: Ngày 17/12/2015, vay 70.000.000 đồng;

+Lần 4: Ngày 02/9/2016, vay 100.000.000đồng, hẹn đến ngày 02/11/2016 sẽ trả gốc và lãi;

+Lần 5: Ngày 07/12/2016, vay 100.000.000đồng, hẹn đến ngày 08/12/2016 sẽ trả gốc và lãi;

+Lần 6: Ngày 14/01/2017, vay 100.000.000đồng, hẹn đến ngày 20/01/2017 sẽ trả gốc và lãi.

Tất cả các lần vay tiền trên trong giấy biên nhận đều không ghi lãi suất và mục đích vay. Nhưng các bên có thỏa thuận miệng với nhau là đối với các khoản vay không ghi thời hạn trả thì khi nào bà Đ đòi thì anh M sẽ trả; lãi suất đều tính bằng lãi suất cơ bản của Ngân hàng Nhà nước tại thời điểm trả gốc và lãi; mục đích anh M vay tiền là để làm ăn kinh tế. Số tiền bà cho anh M vay là tiền của cá nhân một mình bà, không liên quan đến ai khác. Đến thời hạn trả nợ anh M không trả cho bà Đ bất kì một khoản gốc và lãi nào, nên bà Đ đã thông báo cho anh M để đòi toàn bộ số tiền gốc đã cho vay. Bà đã nhiều lần gọi điện cũng như đến nhà đòi tiền nhưng anh M liên tục khất nợ, viện nhiều lý do trốn tránh, không trả tiền. Quá bức xúc, nên ngày 22/5/2018 bà đã làm đơn tố cáo anh M đến Công an tỉnh Bắc Giang về hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của bà. Nhưng sau khi nhận đơn của bà, Công an xác định việc cho vay tiền giữa bà và anh M là giao dịch dân sự, không có dấu hiệu vi phạm hình sự nên hướng dẫn bà làm đơn khởi kiện dân sự đối với anh M.

Khi khởi kiện, bà đề nghị Tòa án buộc anh Mai Văn M và vợ là chị Hà Tú O phải liên đới có nghĩa vụ cùng anh M trả các khoản nợ cho bà Đ. Nhưng sau đó bà xác định bà chỉ cho một mình anh M vay tiền nên không yêu cầu chị O phải có trách nhiệm cùng anh M trả nợ cho bà nữa. Ngày 28/7/2021, đại diện theo ủy quyền của bà đã xin rút một phần yêu cầu khởi kiện này đối với chị O.

Nay nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị Tòa án buộc anh M phải trả cho bà Đ toàn bộ số tiền gốc và tiền lãi của các khoản vay ngày 02/9/2016, ngày 07/12/2016, ngày 14/01/2017 theo lãi suất cơ bản của Ngân hàng nhà nước là 9%/năm kể từ ngày vi phạm nghĩa vụ trả nợ tạm tính đến ngày Tòa án xét xử sơ thẩm (11/8/2021) là 826.025.000 đồng, trong đó tiền gốc là 700.000.000đồng, tiền lãi là 126.025.000 đồng là tiền lãi của các khoản vay sau: khoản vay 100.000.000 đồng ngày 02/9/2016, thời hạn trả là ngày 02/11/2016, tính lãi từ ngày 03/11/2016 là 04 năm 09 tháng 08 ngày, số tiền lãi là 42.950.000 đồng; khoản vay 100.000.000 đồng ngày 07/12/2016, thời hạn trả là 08/12/2016, tính lãi từ ngày 09/12/2016 là 04 năm 08 tháng 02 ngày, số tiền lãi là 42.050.000 đồng; khoản vay 100.000.000

đồng ngày 14/01/2017, thời hạn trả là 20/01/2017, tính lãi từ ngày 21/01/2017 là 04 năm 06 tháng 21 ngày, số tiền lãi là 41.025.000 đồng. Đối với khoản vay 200.000.000 đồng ngày 23/11/2015; 130.000.000đồng ngày 13/12/2015; 70.000.000 đồng ngày 17/12/2015, nguyên đơn không yêu cầu bị đơn phải trả tiền lãi. Ngoài ra, nguyên đơn không có yêu cầu nào khác.

Bị đơn, anh Mai Văn M trình bày: Số tiền anh vay của bà Đ là tiền cá nhân anh vay với mức lãi là 5000đồng/01 triệu đồng/01 ngày. Từ khi vay đến thời điểm trả gốc và lãi anh đã nhiều lần trực tiếp trả, nhờ bạn anh trả cho bà Đ cũng như trả cho người mà bà Đ nhờ nhận hộ nhưng hiện anh không nhớ, anh sẽ cung cấp thông tin về người này cho Tòa án sau. Anh hiện tại không có việc làm, số tiền bà Đ cho anh vay, anh đã trả cho bà Đ quá nhiều lần rồi. Hiện tại số tiền lãi anh đã trả cho bà Đ đã vượt quá số tiền gốc còn lại nên anh sẽ không trả số tiền mà bà Đ yêu cầu như đơn khởi kiện. Khi anh trả tiền lãi và gốc cho bà Đ là anh đưa trực tiếp cho bà Đ nhưng không lấy lại giấy tờ gốc và cũng không ghi giấy nhận lãi nên anh không có để cung cấp cho Tòa án. Tiền anh vay của bà Đ ngày 23/11/2015, ngày 13/12/2015, ngày 17/12/2015, ngày 02/9/2016, ngày 07/12/2016, ngày 14/01/2017 đều là số tiền mà cá nhân anh vay để đi chơi cờ bạc, việc này vợ anh hoàn toàn không biết và không liên quan gì.

Với nội dung trên, bản án dân sự sơ thẩm số 71/2021/DS-ST ngày 11/8/2021 của Toà án nhân dân thành phố B: Căn cứ Điều 471; Điều 474; Điều 476 Bộ luật dân sự năm 2005;

Căn cứ Điều 357; Điều 463; Điều 466; Điều 468; Điều 469; Điều 470 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 271; Khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1.1. Buộc anh Mai Văn M phải trả cho bà Trần Thị Đ tổng số tiền là 826.025.000 đồng *(Tám trăm hai mươi sáu triệu không trăm hai mươi lăm nghìn đồng)* theo các giấy vay tiền ngày 23/11/2015; ngày 13/12/2015; ngày 17/12/2015; ngày 02/9/2016; ngày 07/12/2016; ngày 14/01/2017; trong đó số tiền gốc là 700.000.000 đồng, số tiền lãi tạm tính đến ngày 11/8/2021 (ngày xét xử sơ thẩm) là 126.025.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

1.2. Đình chỉ giải quyết yêu cầu của bà Trần Thị Đ về việc buộc chị Hà Tú O có nghĩa vụ liên đới cùng anh M trả các khoản nợ cho bà Đ.

2. Án phí: Buộc anh Mai Văn M phải chịu 36.780.750 đồng *(Ba mươi sáu triệu bảy trăm tám mươi nghìn bảy trăm năm mươi đồng)* tiền án phí Dân sự sơ thẩm.

Ngoài ra bản án còn tuyên quyền thi hành án, quyền kháng cáo cho các bên đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 14/9/2021, Tòa án nhân dân thành phố B nhận được đơn kháng cáo của anh Mai Văn M, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm hủy bản án số 71/2021/DS-ST ngày 11/8/2021 của TAND thành phố B.

Tại phiên tòa, nguyên đơn là bà Trần Thị Đ (do chị Nguyễn Thị L đại diện ủy quyền) không rút đơn khởi kiện; anh Mai Văn M không rút đơn kháng cáo. Các đương sự không thể thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Anh Mai Văn M trình bày: Người làm chứng ở vùng dịch Hải Phòng không về dự phiên tòa sơ thẩm được. Số tiền 700.000.000 đồng bà Đ cho anh vay là vay nặng lãi. Anh đã nhiều lần trực tiếp và nhờ người khác trả tiền cho bà Đ nhưng không thu lại giấy vay tiền. Anh M đã trả cho bà Đ được 485.000.000 đồng tiền gốc nhưng không có chứng cứ đã trả tiền. Tại phiên tòa hôm nay anh M đề nghị Hội đồng xét xử sửa bản án sơ thẩm, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đ.

Chị Nguyễn Thị L là đại diện theo ủy quyền cho bà Trần Thị Đ trình bày: Chị không đồng ý với ý kiến trình bày của bị đơn anh Mai Văn M. Đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện VKSND tỉnh Bắc Giang phát biểu quan điểm:

- Về tố tụng: Toà án nhân dân tỉnh Bắc Giang và các đương sự đã chấp hành đầy đủ các trình tự, thủ tục của BLTTDS.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm Toà án nhân dân tỉnh Bắc Giang áp dụng khoản 1, Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự không chấp nhận kháng cáo của anh Mai Văn M: Giữ nguyên bản án sơ thẩm đã xử:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Đơn kháng cáo của bị đơn anh Mai Văn M nộp trong thời hạn luật định được chấp nhận xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[2]. Về nội dung, yêu cầu kháng cáo của anh Mai Văn M:

Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, trên cơ sở kết quả tranh luận công khai tạo phiên tòa, có căn cứ xác định như sau:

[2.1] Về yêu cầu buộc anh M phải trả số tiền gốc 700.000.000 đồng:

Căn cứ lời khai của bà Đ, anh M và các tài liệu khác trong hồ sơ vụ án, có đủ cơ sở kết luận: giấy biên nhận ngày 23/11/2015, ngày 13/12/2015, ngày 17/12/2015; giấy vay tiền ngày 02/9/2016, ngày 07/12/2016; biên nhận vay tiền ngày 14/01/2017 đều là bản gốc do bà Đ nộp cho Tòa án là do anh M tự viết và ký tên. Các giấy vay tiền đều thể hiện anh M đã nhận của bà Đ tổng số tiền 700.000.000 đồng vào các ngày như sau: ngày 23/11/2015 đã nhận 200.000.000đồng; ngày 13/12/2015 nhận 130.000.000đồng; ngày 17/12/2015 nhận 70.000.000đồng; ngày 02/9/2016 nhận 100.000.000đồng; ngày 07/12/2016 nhận 100.000.000 đồng; ngày 14/01/2017 nhận 100.000.000đồng. Các bên đều thừa nhận đây là số tiền bà Đ cho anh M vay.

Cá nhân anh M cũng thừa nhận thực tế anh có vay của bà Đ số tiền vào các ngày như trên để đi chơi bời cờ bạc với mức lãi là 5000đồng/01 triệu/01 ngày. Từ khi vay cho đến nay anh đã trả tiền lãi và gốc cho bà Đ nhiều lần nhưng khi trả tiền anh chỉ đưa tay chứ không lấy lại giấy tờ gốc và cũng không ghi giấy nhận lãi, hiện tại số tiền lãi mà anh trả cho bà Đ đã vượt quá số tiền gốc còn lại. Trong quá trình làm việc, anh M không đến tham gia đối chất cũng không cung cấp thông tin cụ thể về người làm chứng theo yêu cầu của Tòa án. Đến nay, ngoài lời khai anh M không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh về việc anh đã nhiều lần trả tiền gốc và lãi cho bà Đ mà không lấy lại giấy tờ vay gốc. Do đó, không có cơ sở chấp nhận lời trình bày của anh M. Nay bà Đ khởi kiện buộc anh M phải trả cho bà toàn bộ số tiền gốc là 700.000.000 đồng theo giấy vay tiền ngày 23/11/2015, ngày 13/12/2015, ngày 17/12/2015, ngày 02/9/2016, ngày 07/12/2016, ngày 14/01/2017 là có căn cứ chấp nhận. Do vậy, căn cứ Điều 471, Điều 474 Bộ luật dân sự 2005; Điều 463, Điều 466, Điều 469, Điều 470 Bộ luật dân sự năm 2015 án sơ thẩm buộc anh M phải trả cho bà Đ số tiền gốc này là có căn cứ pháp luật.

[2.2] Về yêu cầu buộc anh M phải trả tiền lãi:

Đối với yêu cầu buộc anh M phải trả số tiền lãi tạm tính đến ngày xét xử sơ thẩm (11/8/2021) là 126.025.000 đồng là tiền lãi đối với khoản vay ngày 02/9/2016, ngày 07/12/2016, ngày 14/01/2017, Hội đồng xét xử thấy: Nội dung các giấy biên nhận vay tiền các ngày trên đều không ghi mức lãi suất nhưng bà Đ và anh M đều xác nhận hai bên có thỏa thuận về lãi. Bà Đ xác định lãi thỏa thuận là theo lãi suất ngân hàng tại thời điểm trả gốc và lãi, anh M chưa trả cho bà khoản lãi nào kể từ khi vay cho đến nay. Anh M xác định lãi suất thỏa thuận là 5000đồng/triệu/ngày, anh đã trả bà Đ đủ tiền lãi nhưng không nhớ đã trả bao nhiêu, trả khi nào và không có chứng cứ chứng minh nên không có cơ sở chấp nhận. Nay nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả lãi của các khoản vay trên theo mức lãi suất cơ bản của Ngân hàng nhà nước là 9%/năm, thời hạn tính lãi là kể từ khi bị đơn vi phạm nghĩa vụ trả nợ cho đến khi trả hết các khoản nợ trên. Các bên không xác định rõ lãi suất và có tranh chấp về lãi suất, do vậy cần áp dụng lãi suất cơ bản do Ngân hàng nhà nước quy định để xem xét là đúng quy định tại khoản 2 Điều 476 Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015. Theo Quyết định số 2868/QĐ-NHNN ngày 29/11/2010, có hiệu lực từ ngày 01/12/2010, lãi suất cơ bản của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam là 9%/năm tương đương 0,75%/tháng và 0,025%/ngày. Số tiền lãi của từng khoản vay nguyên đơn yêu cầu được tính như sau:

+ Đối với khoản vay ngày 02/9/2016, số tiền 100.000.000đồng, từ ngày vi phạm nghĩa vụ thanh toán (03/11/2016) đến ngày xét xử sơ thẩm (11/8/2021) là 04 năm 09 tháng 08 ngày nên số tiền lãi anh M phải trả cho bà Đ là (100.000.000 đồng x 9% x 04 năm) + (100.000.000 đồng x 0,75% x 09 tháng) + (100.000.000 đồng x 0,025% x 08 ngày) = 42.950.000 đồng;

+ Đối với khoản vay ngày 07/12/2016, số tiền 100.000.000 đồng, từ ngày vi phạm nghĩa vụ thanh toán (09/12/2016) đến ngày xét xử sơ thẩm (11/8/2021) là 04 năm 08 tháng 02 ngày nên số tiền lãi anh M phải trả cho bà Đ là (100.000.000

đồng x 9% x 04 năm) + (100.000.000 đồng x 0,75% x 08 tháng) + (100.000.000 đồng x 0,025% x 02 ngày) = 42.050.000 đồng;

+ Đối với khoản vay ngày 14/01/2017, số tiền 100.000.000đồng, từ ngày vi phạm nghĩa vụ thanh toán (21/01/2017) đến ngày xét xử sơ thẩm (11/8/2021) là 04 năm 06 tháng 21 ngày nên số tiền lãi anh M phải trả cho bà Đ là (100.000.000đồng x 9% x 04 năm) + (100.000.000đồng x 0,75% x 06 tháng) + (100.000.000 đồng x 0,025% x 21 ngày) = 41.025.000 đồng;

Như vậy, tổng tiền lãi tính đến ngày xét xử sơ thẩm (11/8/2021) mà anh M phải trả cho bà Đ là (42.950.000 đồng + 42.050.000 đồng + 41.025.000 đồng) = 126.025.000 đồng.

Bản án sơ thẩm đã xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Đ, buộc anh Mai Văn M phải thanh toán trả bà Đ tổng số tiền là 826.025.000 đồng *(Tám trăm hai mươi sáu triệu không trăm hai mươi lăm nghìn đồng)* là có căn cứ pháp luật. Tại phiên tòa phúc thẩm anh M kháng cáo không nhất trí trả nợ cho bà Đ nhưng không cung cấp được tài liệu chứng cứ chứng minh.

Do vậy, không có cơ sở chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh Mai Văn M, cần giữ nguyên án sơ thẩm. Anh Mai Văn M kháng cáo không được chấp nhận nên phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị cấp phúc thẩm không xem xét giải quyết.

[3]. Về án phí dân sự phúc thẩm: Anh M phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự, không chấp kháng cáo của anh Mai Văn M, giữ nguyên bản án sơ thẩm đã xử.

Về án phí dân sự phúc thẩm: Căn cứ Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án buộc anh Mai Văn M phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp theo biên lai số 0002494 ngày 15/9/2021 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố B, tỉnh Bắc Giang.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7, 7a, 7b và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết kháng cáo kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- Toà án nhân dân TP Bắc Giang;
- VKSND TP Bắc Giang;
- Chi cục THADS TP Bắc Giang;
- Các đương sự;
- Lưu HS; VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Nguyễn Hải Vinh